

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên
độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký kinh doanh số 0203001195

Ngày 30 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh bảy lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận ngày 25 tháng 3 năm 2011. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Bá Phúc	Chủ tịch
Ông Ngô Việt Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên
Ông Đặng Quốc Dũng	Thành viên
Ông Sakchai Patiparnpreechavud	Thành viên (từ ngày 13/4/2013)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Văn Bằng	Thành viên
Ông Praween Wirotpan	Thành viên (từ ngày 13/4/2013)
Bà Nguyễn Bích Thuý	Thành viên (đến ngày 21/3/2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Trường	Tổng Giám đốc (từ ngày 2/5/2013)
Ông Phạm Văn Viện	Tổng Giám đốc (đến ngày 1/5/2013)
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Bảo	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Số 2 An Đà
Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (gọi riêng là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Công ty và công ty con”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Trường
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 8 năm 2013



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (gọi riêng là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Công ty và công ty con”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được trình bày từ trang 4 đến trang 39, được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2013. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là trách nhiệm của ban lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo soát xét ngày 25 tháng 8 năm 2012.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - *Công tác Soát xét Báo cáo Tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu giới hạn ở việc phỏng vấn cán bộ của Công ty và công ty con áp dụng các thủ tục phân tích đối với các số liệu tài chính. Do đó công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn so với một cuộc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện một cuộc kiểm toán, và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

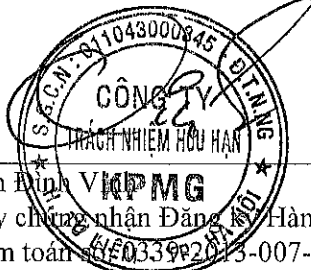
Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 13-02-134-b


Trần Đình KPMG
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2013



Nguyễn Tâm Anh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		997.508.171.371	878.311.567.083
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	177.645.645.259	98.035.825.035
Tiền	111		47.645.645.259	17.535.825.035
Các khoản tương đương tiền	112		130.000.000.000	80.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	482.501.409.471	465.205.640.713
Phải thu khách hàng	131		474.591.816.228	466.860.366.630
Trả trước cho người bán	132		22.165.903.619	10.464.479.442
Các khoản phải thu khác	135		2.176.038.875	4.313.143.892
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(16.432.349.251)	(16.432.349.251)
Hàng tồn kho	140	6	327.230.204.705	305.810.186.721
Hàng tồn kho	141		328.156.052.123	306.736.034.139
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(925.847.418)	(925.847.418)
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.130.911.936	9.259.914.614
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.681.876.352	7.498.674.319
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154	7	1.061.358.414	1.082.514.762
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.387.677.170	678.725.533
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		839.564.837.132	781.776.984.864
Tài sản cố định	220		714.725.707.379	661.499.494.821
Tài sản cố định hữu hình	221	8	472.114.534.107	464.286.241.021
Nguyên giá	222		805.404.533.580	769.823.609.647
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(333.289.999.473)	(305.537.368.626)
Tài sản cố định vô hình	227	9	33.985.799.764	-
Nguyên giá	228		34.179.267.316	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(193.467.552)	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	208.625.373.508	197.213.253.800
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	109.695.392.699	102.456.535.544
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	252		108.095.392.699	100.856.535.544
Đầu tư dài hạn khác	258		1.600.000.000	1.600.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		15.143.737.054	17.820.954.499
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	15.143.737.054	17.820.954.499
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.837.073.008.503	1.660.088.551.947

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

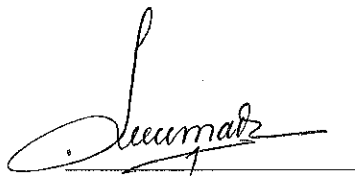
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

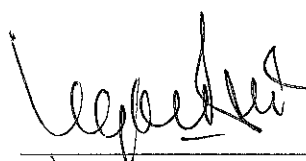
Mẫu B 01a – DN/HN

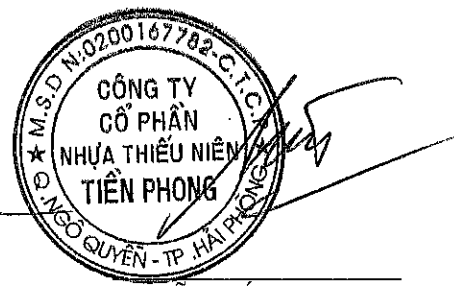
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		667.254.697.667	546.204.523.749
Nợ ngắn hạn	310		667.254.697.667	546.204.523.749
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	399.360.729.551	356.999.127.633
Phải trả người bán	312	14	63.776.722.271	47.669.162.984
Người mua trả tiền trước	313		1.574.869.249	2.260.938.042
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	37.916.683.858	52.590.247.322
Phải trả người lao động	315		32.468.256.179	24.128.478.767
Chi phí phải trả	316	16	94.370.981.984	51.858.009.258
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	30.673.758.988	10.691.060.483
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		7.112.695.587	7.499.260
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	18	1.169.818.310.836	1.113.884.028.198
Vốn chủ sở hữu	410		1.169.818.310.836	1.113.884.028.198
Vốn cổ phần	411	19	433.379.960.000	433.379.960.000
Quỹ khác	412		1.263.974.235	1.263.974.235
Quỹ đầu tư phát triển	417	21	483.745.809.343	347.134.076.608
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	43.337.996.000	43.337.996.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		208.090.571.258	288.768.021.355
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.837.073.008.503	1.660.088.551.947

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	30/6/2013	31/12/2012
Ngoại tệ	USD	9.939	44.461


 Luu Thị Mai
 Kế toán tổng hợp


 Trần Ngọc Bảo
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Quốc Trường
 Tổng Giám đốc

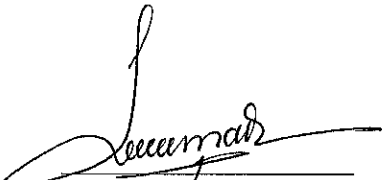
28 -08- 2013

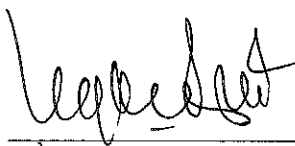
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 02a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Tổng doanh thu	01	22	1.259.957.852.578	1.167.344.530.806
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	2.120.865.709	960.954.512
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	22	1.257.836.986.869	1.166.383.576.294
Giá vốn hàng bán	11	23	797.325.462.134	795.230.304.350
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		460.511.524.735	371.153.271.944
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.956.176.135	905.620.400
Chi phí tài chính	22	25	11.101.383.053	23.420.807.697
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.048.922.061	22.679.712.076
Chi phí bán hàng	24		193.462.423.962	133.331.965.867
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		47.760.005.372	38.111.667.791
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		210.143.888.483	177.194.450.989
Thu nhập khác	31		381.861.781	909.700.675
Chi phí khác	32		199.512.566	324.226.370
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		182.349.215	585.474.305
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	41		7.238.857.155	2.902.508.150
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		217.565.094.853	180.682.433.444
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	52.587.914.605	45.082.453.462
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		164.977.180.248	135.599.979.982
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	70	27	3.807	3.219


 Lưu Thị Mái
 Kế toán tổng hợp


 Trần Ngọc Bảo
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Quốc Trường
 Tổng Giám đốc

28-08-2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã	Thuyết	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	số	minh	30/6/2013	30/6/2012
			VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		217.565.094.853	180.682.433.444
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		32.828.018.821	30.944.673.657
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(498.731.396)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(8.950.626.923)	(3.060.612.758)
Chi phí lãi vay	06		9.048.922.061	22.679.712.076
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		250.491.408.812	230.747.475.023
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(18.166.766.080)	24.334.795.895
Biến động hàng tồn kho	10		(21.420.017.984)	53.536.022.714
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		66.797.720.809	(37.425.488.526)
Biến động chi phí trả trước	12		4.623.716.399	(2.471.699.058)
			282.326.061.956	268.721.106.048
Tiền lãi vay đã trả	13		(8.854.751.952)	(23.434.404.827)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(48.093.657.555)	(25.889.062.779)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(15.164.481.578)	(19.200.487.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		210.213.170.871	200.197.151.442
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(88.021.711.124)	(108.328.749.269)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.732.750.559	3.237.545.219
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(86.288.960.565)	(105.091.204.050)

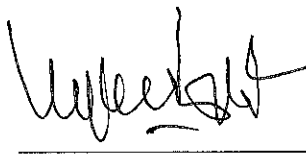
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

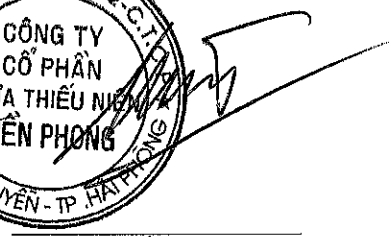
Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	606.966.664.359	614.574.540.530
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(564.605.062.441)	(687.940.402.402)
Tiền trả cổ tức	36	(86.675.992.000)	(43.337.996.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(44.314.390.082)	(116.703.857.872)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	79.609.820.224	(21.597.910.480)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	98.035.825.035	49.454.713.518
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	61	-	1.275.363
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70 4	177.645.645.259	27.858.078.401


 Lưu Thị Mai
 Kế toán tổng hợp


 Trần Ngọc Bảo
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Quốc Trường
 Tổng Giám đốc

28-08-2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hoá Công ty được thực hiện theo quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001195 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh bảy lần và lần gần đây nhất là giấy chứng nhận ngày 25 tháng 3 năm 2011.

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động dịch vụ tài chính, hoạt động trung gian tiền tệ;
- Hoạt động cho thuê tài chính, đầu tư tài chính;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

Trong kỳ, các hoạt động chính của Công ty và công ty con là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Hoạt động chính	30/6/2013		31/12/2012	
		Tỷ lệ sở hữu đăng ký	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu đăng ký	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải	100%	100%	100%	100%

Công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty và công ty con có 1.196 nhân viên (31/12/2012: 1.152 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty và công ty con có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Công ty và công ty con có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty và công ty con được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty và công ty con, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Công ty và công ty con phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty và công ty con trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty và công ty con có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Trường hợp phần lỗ lũy kế của đơn vị nhận đầu tư mà Công ty và công ty con phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty và công ty con trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, Công ty và công ty con chỉ được ghi nhận phần lợi nhuận của mình khi toàn bộ phần lỗ lũy kế được thu hồi.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và công ty con tại đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty và công ty con. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty và công ty con có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 20 năm
▪ Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 45 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần trong vòng từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá thành phát hành vốn cổ phần được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(n) Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của cuộc họp đại hội đồng cổ đông.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và công ty con và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty và công ty con phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty và công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty và công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Công ty và công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính nêu trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh cho các báo cáo tài chính hợp nhất và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty và công ty con trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh, và Công ty và công ty con hiện đang hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, đó là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải. Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty và công ty con hoạt động chủ yếu trong một khu vực địa lý, là Việt Nam.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, trực tiếp hoặc gián tiếp, hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu các bên đều dưới quyền bị kiểm soát chung hoặc chịu cùng ảnh hưởng đáng kể.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	657.209.353	202.880.554
Tiền gửi ngân hàng	46.988.435.906	17.332.944.481
Các khoản tương đương tiền	130.000.000.000	80.500.000.000
	177.645.645.259	98.035.825.035

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Trong các khoản phải thu ngắn hạn có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	127.507.166.589	139.014.614.766

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và các công ty liên quan phải trả khi Công ty và công ty con yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Trong các khoản phải thu ngắn hạn có các khoản phải thu ngắn hạn khác, bao gồm:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập cá nhân trả hộ nhân viên	163.934.592	2.788.536.274
Phải thu khác	2.012.104.283	1.524.607.618
	2.176.038.875	4.313.143.892

6. Hàng tồn kho

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi trên đường	28.019.247.223	12.125.930.086
Nguyên vật liệu	148.388.747.019	156.495.796.045
Công cụ, dụng cụ	2.537.654.355	4.719.600.253
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.086.352.014	26.964.520.821
Thành phẩm	117.124.051.512	106.430.186.934
	328.156.052.123	306.736.034.139
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(925.847.418)	(925.847.418)
	327.230.204.705	305.810.186.721

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	925.847.418	288.777.030
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	-	925.847.418
Hoàn nhập	-	(288.777.030)
	925.847.418	925.847.418

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 327.230 triệu VND (31/12/2012: 305.810 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con (Thuyết minh 13).

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước chủ yếu là thuế nhà thầu nước ngoài Công ty và công ty con đã nộp thừa.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

8. Tài sản cố định hữu hình

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	311.957.929.114	400.986.838.349	41.978.319.470	14.900.522.714	769.823.609.647
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	35.871.331.020	2.662.774.435	2.893.770.182	1.002.448.463	42.430.324.100
Thanh lý	-	(392.223.143)	(272.141.100)	(21.875.238)	(686.239.481)
Xóa sổ	(149.650.288)	(692.772.265)	(24.785.000)	(1.752.937.824)	(2.620.145.377)
Phân loại lại (*)	(23.835.841)	(1.996.672.808)	(79.099.546)	(1.443.407.114)	(3.543.015.309)
Số dư cuối kỳ	347.655.774.005	400.567.944.568	44.496.064.006	12.684.751.001	805.404.533.580
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	39.750.437.961	246.611.446.728	11.585.573.958	7.589.909.979	305.537.368.626
Khấu hao trong kỳ	11.710.067.823	17.186.863.354	2.676.221.093	1.061.398.999	32.634.551.269
Thanh lý	-	(371.242.352)	(272.141.100)	(21.875.238)	(665.258.690)
Xóa sổ	(149.650.288)	(692.772.265)	(24.785.000)	(1.752.937.824)	(2.620.145.377)
Phân loại lại (*)	(5.561.496)	(741.648.477)	(13.714.023)	(835.592.359)	(1.596.516.355)
Các khoản khác	75.933.399	(143.674.481)	66.300.525	1.440.557	-
Số dư cuối kỳ	51.381.227.399	261.848.972.507	14.017.455.453	6.042.344.114	333.289.999.473
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	272.207.491.153	154.375.391.621	30.392.745.512	7.310.612.735	464.286.241.021
Số dư cuối kỳ	296.274.546.606	138.718.972.061	30.478.608.553	6.642.406.887	472.114.534.107

(*) Trong kỳ, Công ty và công ty con phân loại lại một số tài sản cố định với nguyên giá thấp hơn 30 triệu VND sang chi phí trả trước dài hạn theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”) (Thuyết minh 12).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	212.519.028.502	325.753.817.061	33.302.879.539	10.118.915.442	581.694.640.544
Tăng trong kỳ	2.634.572.686	-	-	-	2.634.572.686
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12.636.250.989	63.088.982.674	4.238.567.119	998.207.377	80.962.008.159
Thanh lý	-	(456.291.308)	-	-	(456.291.308)
Phân loại lại	(2.326.726.619)	(4.023.966.795)	3.807.165.353	2.543.528.061	-
Số dư cuối kỳ	225.463.125.558	384.362.541.632	41.348.612.011	13.660.650.880	664.834.930.081
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu kỳ	22.072.254.121	209.592.710.957	6.848.648.297	4.843.439.536	243.357.052.911
Khấu hao trong kỳ	7.841.906.477	18.524.273.576	2.529.388.116	1.049.105.488	29.944.673.657
Thanh lý	-	(326.670.697)	-	-	(326.670.697)
Số dư cuối kỳ	29.914.160.598	227.790.313.836	9.378.036.413	5.892.545.024	272.975.055.871
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	190.446.774.381	116.161.106.104	26.454.231.242	5.275.475.906	338.337.587.633
Số dư cuối kỳ	195.548.964.960	156.572.227.796	31.970.575.598	7.768.105.856	391.859.874.210

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 185.034 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 175.820 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 805.404 triệu VND (31/12/2012: 769.824 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và công ty con (Thuyết minh 13).

Công ty đang trong quá trình di chuyển cơ sở sản xuất kinh doanh tới địa điểm mới tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Trong kỳ, Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng một số hạng mục tài sản cố định hữu hình tại địa điểm mới và vẫn tiếp tục đầu tư vào các hạng mục tài sản cố định hữu hình khác mà hiện đang được ghi nhận vào tài khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10).

Đối với công trình hiện tại tại số 2, đường An Đà, phường Lạch Tray, thành phố Hải Phòng, Việt Nam, Công ty đã nhận được các công văn số 375/UBND-XD ngày 18 tháng 1 năm 2008 và số 2460/UBND-CN ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về việc cho phép Công ty phát triển một tổ hợp tòa nhà bao gồm các căn hộ chung cư và văn phòng cho thuê. Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng đã yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền báo cáo kế hoạch chi tiết về dự án tổ hợp tòa nhà. Theo đó, Công ty có thể phải trả lại cho Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng diện tích thuê đất hiện tại tại địa điểm hiện tại hoặc thay đổi mục đích sử dụng sau khi kế hoạch chi tiết được hoàn thành và phê duyệt bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các hạng mục nhà cửa và vật kiến trúc trên địa điểm hiện tại có thể bị đình chỉ hoặc thay đổi mục đích sử dụng sau khi kế hoạch chi tiết của dự án tổ hợp tòa nhà được hoàn thành và Công ty hoàn thành quá trình di chuyển tới địa điểm mới. Do kế hoạch cuối cùng chưa được phê duyệt, Công ty và công ty con tiếp tục trích khấu hao cho nhà cửa và vật kiến trúc tại địa điểm mới như thường lệ. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng ảnh hưởng của việc thay đổi thời gian hữu dụng còn lại của các tài sản trên, nếu có, là không trọng yếu đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	34.179.267.316
Số dư cuối kỳ	34.179.267.316
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	-
Khấu hao trong kỳ	193.467.552
Số dư cuối kỳ	193.467.552
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	33.985.799.764

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 các tài sản cố định vô hình có nguyên giá là 34.179 triệu VND (31/12/2012: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con (Thuyết minh 13).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/ 2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	197.213.253.800	157.098.769.090
Tăng trong kỳ/năm	88.021.711.124	261.279.567.459
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(42.430.324.100)	(221.165.082.749)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(34.179.267.316)	-
Số dư cuối kỳ/năm	208.625.373.508	197.213.253.800

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới (Thuyết minh 8)	94.681.710.941	120.235.427.529
Nhà máy cho Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung	111.963.065.443	75.002.877.725
Công trình khác	1.980.597.124	1.974.948.546
	208.625.373.508	197.213.253.800

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 131.798 triệu VND (31/12/2012: 122.210 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và công ty con (Thuyết minh 13).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn tại:

i. Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam (a)
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong (b)

ii. Liên doanh

Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (c)

iii. Các khoản đầu tư dài hạn khác

Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Brigde Việt Nam
Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và máy CNC – PTM

	30/6/2013			31/12/2012		
	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
	37,78%	37,78%	58.640.417.935	37,78%	37,78%	53.210.450.259
	49,98%	49,98%	9.505.967.817	49,98%	49,98%	8.822.371.550
	83,36%	83,36%	39.949.006.947	83,36%	83,36%	38.823.713.735
			1.500.000.000			1.500.000.000
			100.000.000			100.000.000
			109.695.392.699			102.456.535.544

Chi tiết biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh như sau:

Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013

**Công ty Cổ phần Nhựa
Thiếu niên Tiền Phong
Phía Nam
VND**

**Công ty Cổ phần
Bao bì Tiền Phong
VND**

**Công ty TNHH
Liên doanh Nhựa
Tiền Phong – SMP
VND**

**Tổng cộng
VND**

Số dư đầu kỳ	53.210.450.259	8.822.371.550	38.823.713.735	100.856.535.544
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết và liên doanh	5.429.967.676	683.596.267	1.125.293.212	7.238.857.155
Số dư cuối kỳ	58.640.417.935	9.505.967.817	39.949.006.947	108.095.392.699

Công ty Cổ phần Nhựa Thiệu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a -- DN/HN

Năm kết thúc ngày 31/12/2012

	Công ty Cổ phần Nhựa Thiệu niên Tiền Phong Phía Nam VND	Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong VND	Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	53.771.396.736	7.793.971.680	14.800.866.504	76.366.234.920
Tăng trong năm	-	-	24.214.934.565	24.214.934.565
Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết và liên doanh	7.089.053.523	1.528.174.870	(192.087.334)	8.425.141.059
Cổ tức được chia trong năm	(7.650.000.000)	(499.775.000)	-	(8.149.775.000)
Số dư cuối năm	53.210.450.259	8.822.371.550	38.823.713.735	100.856.535.544

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

- (a) Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong Phía Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4603000404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 24 tháng 9 năm 2007. Công ty liên kết này có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Đồng An II, xã Hòa Lợi, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa sử dụng cho dân dụng và công nghiệp.
- (b) Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203000880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 1 tháng 7 năm 2004. Công ty liên kết này có trụ sở tại số 2, đường An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và các sản phẩm nhựa khác.
- (c) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (“Công ty liên doanh”) được thành lập theo Chứng nhận Đầu tư ra Nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư Trong nước và Nước ngoài Viêng Chăn cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa hai bên là Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP (“Công ty SMP”) và Công ty. Ban đầu, Công ty giữ 51% và Công ty SMP giữ 49% vốn liên doanh. Các hoạt động chính của công ty liên doanh là sản xuất, bán các sản phẩm ống nhựa, phụ tùng và các sản phẩm nhựa khác.

Theo biên bản họp của Ban Giám đốc của Công ty liên doanh vào ngày 7 tháng 2 năm 2012, Ban Giám đốc đã phê duyệt kế hoạch chuyển số dư Công ty liên doanh phải trả cho Công ty có giá trị 357.000 USD (tương đương với 7.462.371.000 VND), thành phần góp vốn bổ sung của Công ty vào Công ty liên doanh. Cũng theo biên bản này, để duy trì tỷ lệ vốn sở hữu ban đầu giữa hai bên, Công ty SMP sẽ góp thêm vốn bằng tiền mặt. Ngày 12 tháng 3 năm 2012, Công ty liên doanh nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số 0420 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cấp liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty liên doanh.

Ngày 10 tháng 8 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty Liên doanh phê duyệt kế hoạch hoán đổi khoản tiền Công ty SMP phải trả cho Công ty với vốn sở hữu của Công ty SMP tại Công ty liên doanh. Theo đó, vốn góp của Công ty tại Công ty liên doanh tăng thêm 743.392,81 USD, dẫn đến việc vốn sở hữu của Công ty tại Công ty liên doanh tăng từ 51% lên 83,36% và vốn sở hữu của Công ty SMP giảm từ 49% xuống còn 16,84%.

Cũng vào ngày 10 tháng 8 năm 2012, Công ty và Công ty SMP đã ký một Biên Bản ghi nhớ cho phép Công ty SMP có quyền ưu tiên được mua lại phần vốn sở hữu đã nắm giữ trước đó bởi Công ty SMP tại Công ty Liên doanh theo nguyên giá trong vòng 12 tháng kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2012.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2012, Công ty SMP gửi cho Công ty một công văn yêu cầu được mua lại phần vốn sở hữu Công ty đang nắm giữ mà trước đó được nắm giữ bởi Công ty SMP. Trong năm 2013, Công ty SMP đã trả đầy đủ số tiền 743.392.81 USD. Công ty Liên doanh đang thực hiện các thủ tục chính thức để chuyển nhượng phần vốn sở hữu này (Thuyết minh 17).

Do các thủ tục chính thức để chuyển nhượng phần vốn sở hữu này chưa được hoàn thành, tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty tiếp tục nắm giữ 83,36% vốn sở hữu tại Công ty Liên doanh này và Ban Tổng Giám đốc Công ty tiếp tục trình bày khoản đầu tư vào Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP là khoản đầu tư vào đơn vị đồng kiểm soát. Điều này dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty là quyền kiểm soát (phản ánh bởi việc nắm giữ trên 50% vốn sở hữu tại Công ty liên doanh) là tạm thời và Công ty đang có kế hoạch chuyển toàn bộ số vốn tăng thêm trong năm 2012 cho Công ty SMP. Dựa trên kế hoạch mới nhất, Công ty dự kiến giảm vốn sở hữu tại Công ty Liên doanh này xuống dưới 50% trong tương lai gần.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Công cụ, dụng cụ (*)	10.441.137.299	12.753.560.201
Chi phí sửa chữa tài sản lớn	4.702.599.755	4.232.169.570
Chi phí khác	-	835.224.728
	15.143.737.054	17.820.954.499

(*) Bao gồm trong công cụ, dụng cụ có giá trị còn lại của một số tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn về ghi nhận nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư 45. Theo đó, các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình trong kỳ (Thuyết minh 8) sang chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại, nhưng không quá 3 năm.

13. Vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	399.360.729.551	356.999.127.633

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản vay ngân hàng 1	VND	7% - 7,5%	70.734.625.113	145.012.027.028
Khoản vay ngân hàng 2	USD	4%	70.541.871.100	46.239.898.050
Khoản vay ngân hàng 3	VND	5,8% - 7,5%	47.792.549.454	70.402.862.102
Khoản vay ngân hàng 4	USD	4%	18.547.068.800	695.221.000
Khoản vay ngân hàng 5	VND	5,8% - 6,5%	59.527.094.350	14.444.649.700
Khoản vay ngân hàng 6	VND	4%	-	16.028.382.600
Khoản vay ngân hàng 7	VND	6% - 8,25%	22.351.571.571	22.236.303.057
Khoản vay ngân hàng 8	VND	6,5% - 7%	23.437.577.788	41.939.784.096
Khoản vay ngân hàng 9	USD	4%	50.466.342.620	-
Khoản vay ngân hàng 10	USD	5,5%	35.962.028.755	-
			399.360.729.551	356.999.127.633

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản của Công ty với giá trị ghi sổ là 1.824.703 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tại ngày 31/12/2012: 1.651.487 triệu VND) bao gồm hàng tồn kho (Thuyết minh 6), các tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 8), các tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 9), chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10) và tất cả các tài sản khác.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

14. Các khoản phải trả người bán

Trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	26.913.911.973	7.715.362.860

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.970.654.487	19.153.928.491
Thuế xuất nhập khẩu	638.699.142	354.321.961
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.494.835.693	26.646.707.201
Thuế thu nhập cá nhân	812.494.536	6.435.289.669
	37.916.683.858	52.590.247.322

16. Chi phí phải trả

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí phải trả nhà phân phối	87.900.328.358	45.749.428.128
Phải trả các nhà thầu	1.140.910.000	1.552.261.000
Chi phí vận chuyển	3.307.037.861	2.574.860.251
Lãi vay phải trả	1.215.180.773	1.021.010.664
Chi phí khác	807.524.992	960.449.215
	94.370.981.984	51.858.009.258

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

17. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả Công ty SMP (*)	15.519.358.795	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.729.429.000	7.085.429.000
Kinh phí công đoàn	3.353.265.345	2.165.472.739
Các khoản phải trả khác	5.071.705.848	1.440.158.744
	30.673.758.988	10.691.060.483

- (*) Khoản phải trả Công ty SMP phản ánh khoản tiền Công ty đã nhận trong kỳ từ Công ty SMP cho việc mua lại phần vốn sở hữu tại Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP. Số tiền này sẽ được khấu trừ từ khoản đầu tư vào công ty liên doanh sau khi các thủ tục chuyển nhượng chính thức được hoàn tất (Thuyết minh 11).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Các nguồn vốn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	433.379.960.000	175.139.331.251	40.208.144.516	280.761.794.137	-	929.489.229.904
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	135.599.979.982	-	135.599.979.982
Phân bổ vào các quỹ (Thuyết minh 21)	-	171.994.745.357	3.129.851.484	(175.124.596.841)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi nhân viên	-	-	-	-	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(18.292.107.250)	-	(18.292.107.250)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	-	-	-	(43.337.996.000)	-	(43.337.996.000)
	-	-	-	(2.590.300.000)	-	(2.590.300.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	433.379.960.000	347.134.076.608	43.337.996.000	177.016.774.028	-	1.000.868.806.636
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	433.379.960.000	347.134.076.608	43.337.996.000	288.768.021.355	1.263.974.235	1.113.884.028.198
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	164.977.180.248	-	164.977.180.248
Phân bổ vào các quỹ (Thuyết minh 21)	-	136.611.732.735	-	(136.611.732.735)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi nhân viên	-	-	-	-	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(20.369.677.905)	-	(20.369.677.905)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	-	-	-	(86.675.992.000)	-	(86.675.992.000)
Thay đổi khác	-	-	-	(1.900.000.000)	-	(1.900.000.000)
	-	-	-	(97.227.705)	-	(97.227.705)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	433.379.960.000	483.745.809.343	43.337.996.000	208.090.571.258	1.263.974.235	1.169.818.310.836

19. Vốn cổ phần

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	43.337.996	433.379.960.000	43.337.996	433.379.960.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	43.337.996	433.379.960.000	43.337.996	433.379.960.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	43.337.996	433.379.960.000	43.337.996	433.379.960.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty và công ty con.

20. Cổ tức

Cuộc họp cổ đông của Công ty và công ty con vào ngày 13 tháng 4 năm 2013 đã quyết định phân phối khoản cổ tức là 86.675.992.000 VND (tương đương 2.000 VND trên một cổ phiếu). Trong giai đoạn sáu tháng đầu năm 2012, Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức đợt 1 cho năm 2011 là 43.337.996.000 VND (tương đương 1.000 VND trên một cổ phiếu).

21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Trong kỳ, cổ đông của Công ty đã quyết định trích 136.611 triệu VND vào Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận giữ lại của Công ty (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012: trích 175.125 triệu VND vào Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính) (Thuyết minh 18).

22. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.259.957.852.578	1.167.344.530.806
<i>Trong đó: Doanh thu bán sản phẩm</i>	<i>1.252.785.206.929</i>	<i>1.138.589.485.794</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(2.120.865.709)	(960.954.512)
Doanh thu thuần	1.257.836.986.869	1.166.383.576.294

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

23. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán chủ yếu bao gồm giá vốn của các thành phẩm và nguyên vật liệu đã bán.

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.732.750.559	287.725.219
Lãi chênh lệch tỷ giá	223.425.576	617.895.181
	1.956.176.135	905.620.400

25. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.048.922.061	22.679.712.076
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.052.460.992	741.095.621
	11.101.383.053	23.420.807.697

26. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành	52.587.914.605	45.082.453.462
Kỳ hiện hành		

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	217.565.094.853	180.682.433.444
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	54.391.273.713	45.170.608.362
Thu nhập không bị tính thuế	(1.809.714.288)	(88.154.900)
Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	6.355.180	-
Chi phí thuế TNDN	52.587.914.605	45.082.453.462

(c) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 25% lợi nhuận chịu thuế.

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 164.977.180.248 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012: 135.599.979.982 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 43.337.996 cổ phiếu (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012: 43.337.996 cổ phiếu).

28. Các công cụ tài chính

(a) Các công cụ tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty và công ty con phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty và công ty con có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty và công ty con sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty và công ty con như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty và công ty con gặp phải.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty và công ty con. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty và công ty con.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty và công ty con được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty và công ty con gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty và công ty con. Công ty và công ty con, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty và công ty con nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	176.988.435.906	97.832.944.481
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	460.335.505.852	454.741.161.271
		637.323.941.758	552.574.105.752

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty và công ty con chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty và công ty con.

(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty và công ty con chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, ban quản lý rủi ro của Công ty và công ty con đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty và công ty con đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi ban quản lý rủi ro. Công ty và công ty con không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty và công ty con. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30/6/2013 và 31/12/2012 như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Chưa quá hạn	460.335.505.852	443.592.815.460
Quá hạn trên 180 ngày	-	11.148.345.811
	460.335.505.852	454.741.161.271

Biến động trong kỳ/năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	16.432.349.251	13.757.456.353
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	-	2.674.892.898
Số dư cuối kỳ/năm	16.432.349.251	16.432.349.251

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty và công ty con không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty và công ty con là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty và công ty con luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty và công ty con.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

30/6/2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	185.468.197.898	185.468.197.898	185.468.197.898
Các khoản vay ngắn hạn	399.360.729.551	404.658.523.794	404.658.523.794
	584.828.927.449	590.126.721.692	590.126.721.692

31/12/2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	97.361.699.503	97.361.699.503	97.361.699.503
Các khoản vay ngắn hạn	356.999.127.633	360.403.925.936	360.403.925.936
	454.360.827.136	457.765.625.439	457.765.625.439

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty và công ty con hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty và công ty con nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty và công ty con có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con, chủ yếu là đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty và công ty con được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty và công ty con có các khoản tài sản/nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.939	44.461
Phải trả người bán	(187.487)	(512.260)
Phải trả khác	(743.393)	-
Vay ngắn hạn	(8.306.545)	(3.024.910)
	(9.227.486)	(3.492.709)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty và công ty con áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2013	31/12/2012
USD/VND	21.155	20.855

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty và công ty con sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lãi thuần VND
30/6/2012	
USD (mạnh thêm 3%)	(4.392.167.992)
31/12/2012	
USD (mạnh thêm 5%)	(2.731.516.732)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lãi thuần của Công ty và công ty con.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty và công ty con như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Tài sản tài chính	176.796.006.667	97.832.944.481
Nợ phải trả tài chính	(399.360.729.551)	(356.999.127.633)
	(222.564.722.884)	(259.166.183.152)

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	177.645.645.259	177.645.645.259	98.035.825.035	98.035.825.035
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	460.335.505.852	460.335.505.852	454.741.161.271	454.741.161.271
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(185.468.197.898)	(185.468.197.898)	(97.361.699.503)	(97.361.699.503)
- Các khoản vay ngắn hạn	(399.360.729.551)	(399.360.729.551)	(356.999.127.633)	(356.999.127.633)
	53.152.223.662	53.152.223.662	98.416.159.170	98.416.159.170

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

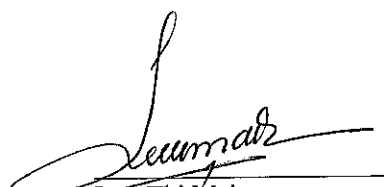
Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham chiếu các khoản nợ phải trả tương tự không có quyền lựa chọn chuyển đổi. Đối với các khoản nợ thuê tài chính, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham khảo các hợp đồng thuê tương tự.

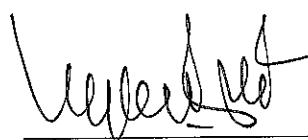
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	709.334.827.838	647.241.827.480
Chi phí nhân công	85.276.449.349	79.935.388.742
Chi phí khấu hao	32.828.018.821	30.944.673.657
Chi phí cho nhà phân phối	128.636.605.687	79.713.558.698
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.631.721.288	26.050.003.597
Chi phí khác	66.655.964.256	50.136.575.270


 Lưu Thị Mai
 Kế toán tổng hợp


 Trần Ngọc Bảo
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Quốc Trường
 Tổng Giám đốc

28-08-2013